

Số: 256 /NQ-HĐT

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2022

## NGHỊ QUYẾT

**Thông qua số lượng người làm việc, hợp đồng lao động tạm thời của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam năm 2022**

### HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-HĐT ngày 02/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1965/QĐ-HĐT ngày 28/10/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Tờ trình số 1973/TTr-ĐHHHVN ngày 31/12/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHHH VN về việc đề nghị thông qua số lượng người làm việc là viên chức, số lượng hợp đồng lao động tạm thời của Trường ĐHHH VN năm 2022;

Căn cứ Biên bản kỳ họp quý I năm 2022 của Hội đồng trường ngày 14/01/2022;

Căn cứ Tờ trình số 223/TTr-ĐHHHVN ngày 08/3/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHHH VN về việc đề nghị thông qua số lượng người làm việc là viên chức, số lượng hợp đồng lao động tạm thời của Trường ĐHHH VN năm 2022 (đã tiếp thu ý kiến góp ý sau kỳ họp quý I năm 2022 của Hội đồng trường);

Căn cứ Biên bản họp Thường trực HĐT mở rộng ngày 09/3/2022.

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua số lượng người làm việc, hợp đồng lao động tạm thời của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam năm 2022 với tổng số người 950 người (có bảng chi tiết kèm theo) với một số yêu cầu sau:

- Tổ chức xây dựng Đề án vị trí việc tại các đơn vị và tổng thể Trường làm cơ sở xem xét, phê duyệt số lượng người làm việc từ năm 2023.

- Rà soát, nghiên cứu các giải pháp sắp xếp, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả tổ chức và quản lý đối với một số đơn vị, một số chức danh nghề nghiệp (kỹ thuật viên hướng dẫn thực hành, trợ giảng, lao động hợp đồng theo Nghị định 68 và 161...).

- Tăng cường thông tin tuyển dụng giảng viên và các chính sách thu hút giảng viên giỏi công tác tại Trường.

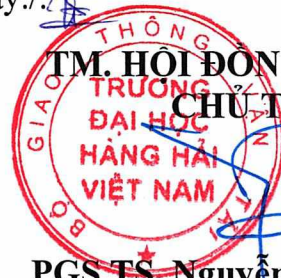
**Điều 2.** Giao Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Thường trực Hội đồng trường, Ban kiểm soát và các thành viên Hội đồng trường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này./.

**Nơi nhận:**

- ĐU, HĐT, BGH;
- Như Điều 3;
- Các đơn vị trong Trường;
- Lưu: VT, HĐT



**PGS.TS. Nguyễn Khắc Khiêm**

**SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI CÁC ĐƠN VỊ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM NĂM 2022**  
(Theo Nghị quyết số 256.../NQ-HĐT ngày 15...tháng 3 năm 2022)

STT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 28/12/2021				Nhu cầu số lượng người làm việc năm 2022			Phương án bổ sung	Ghi chú
		Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:			
			Viên chức	Lao động hợp đồng đối với vị trí việc làm là viên chức	Lao động hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP và theo ND 161/2018/NĐ-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Lao động hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP và theo ND 161/2018/NĐ-CP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
<b>A</b>	<b>TRƯỜNG ĐHHH VIỆT NAM</b>	<b>889</b>	740	124	25	<b>950</b>	915	35		
<b>B</b>	<b>CÁC ĐƠN VỊ</b>									
<b>I</b>	<b>Khối đơn vị phòng, ban</b>									
1	Hội đồng Trường	<b>1</b>	1	0	0	<b>1</b>	1	0		
2	Lãnh đạo Trường	<b>3</b>	3	0	0	<b>4</b>	4	0		
3	Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể	<b>9</b>	9	0	0	<b>9</b>	9	0		
4	Phòng Tổ chức - Hành chính	<b>18</b>	12	1	5	<b>20</b>	13	7	PA1; PA2-Uưu tiên;	
5	Phòng Đào tạo	<b>10</b>	8	2	0	<b>10</b>	10	0		
6	Phòng Thanh tra & ĐBCL	<b>11</b>	10	1	0	<b>11</b>	11	0		
7	Phòng Công tác sinh viên	<b>8</b>	8	0	0	<b>8</b>	8	0		
8	Phòng Quan hệ quốc tế	<b>7</b>	7	0	0	<b>7</b>	7	0		
9	Phòng Quản trị - Thiết bị	<b>7</b>	7	0	0	<b>7</b>	7	0		
10	Phòng Khoa học - Công nghệ	<b>6</b>	5	1	0	<b>7</b>	7	0	PA1; PA2-Uưu tiên;	
11	Phòng Kế hoạch - Tài chính	<b>8</b>	6	2	0	<b>8</b>	8	0		



STT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 28/12/2021				Nhu cầu số lượng người làm việc năm 2022			Phương án bổ sung	Ghi chú
		Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:			
			Viên chức	Lao động hợp đồng đối với vị trí việc làm là viên chức	Lao động hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP và theo ND 161/2018/NĐ-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Lao động hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP và theo ND 161/2018/NĐ-CP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
12	Ban QL KNT (Khu C)	4	1	2	1	4	3	1		
13	Ban QL KNT SVHH Quán Nam	3	2	0	1	3	2	1		Sáp nhập theo lộ trình
14	Nhà xuất bản HH	2	2	0	0	2	2	0		Số lượng NLV do NXB ký HĐ là 9 người
15	Thư viện	15	14	1	0	15	15	0		
16	Viện NCKH & CNHH	10	5	5	0	10	7	3		
17	Trạm Y tế	4	1	1	2	4	2	2		Sáp nhập theo lộ trình
18	Ban Quản lý DAHH	4	4	0	0	5	5	0		1 viên chức kiêm nhiệm, Sáp nhập theo lộ trình
19	Ban Bảo vệ	8	0	0	8	8	0	8		
20	Viện Khoa học công nghệ tàu thủy	0	0	0	0	0	0	0		Hiện tại, Viện còn 6 lao động do Viện tự ký và trả lương
	<b>Tổng khối Phòng ban</b>	<b>138</b>	105	16	17	<b>143</b>	121	22		
<b>II</b>	<b>Khối đơn vị khoa, viện và đơn vị đào tạo</b>									
1	Viện Cơ khí	63	53	10	0	69	65	4	PA1; PA2-Uưu tiên;	

STT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 28/12/2021				Nhu cầu số lượng người làm việc năm 2022			Phương án bổ sung	Ghi chú
		Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:			
			Viên chức	Lao động hợp đồng đối với vị trí việc làm là viên chức	Lao động hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ- CP và theo ND 161/2018/NĐ- CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Lao động hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ- CP và theo ND 161/2018/NĐ- CP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
2	Khoa Cơ sở Cơ bản	44	43	1	0	51	51	0	PA1	
3	Khoa Quản trị - Tài chính	45	41	4	0	50	50	0	PA1; PA2-Uưu tiên;	
4	Khoa Hàng hải	64	55	9	0	66	66	0	PA1	
5	Khoa Lý luận chính trị	27	27	0	0	28	28	0	PA1	
6	Khoa Máy tàu biển	73	55	18	0	76	76	0	PA1	
7	Khoa Điện-Điện tử	50	40	10	0	53	53	0	PA1	
8	Khoa Kinh tế	68	56	12	0	75	75	0	PA1; PA2-Uưu tiên;	
9	Khoa Công trình	63	55	8	0	63	63	0		
10	Viện Môi trường	29	28	1	0	32	32	0	PA1	
11	Khoa Công nghệ thông tin	35	29	6	0	41	41	0	PA1	
12	Khoa Đóng tàu	23	20	3	0	23	23	0		
13	Khoa Ngoại ngữ	36	33	3	0	42	42	0	PA1	
14	Viện Đào tạo SĐH	6	5	1	0	7	7	0	PA2	
15	Trường CD VMU	43	32	6	5	45	39	6	PA1; PA2-Uưu tiên;	
16	Viện Đào tạo Quốc tế	10	6	4	0	10	10	0		

STT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 28/12/2021				Nhu cầu số lượng người làm việc năm 2022			Phương án bổ sung	Ghi chú
		Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:			
			Viên chức	Lao động hợp đồng đối với vị trí việc làm là viên chức	Lao động hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP và theo ND 161/2018/NĐ-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Lao động hợp đồng theo ND 68/2000/NĐ-CP và theo ND 161/2018/NĐ-CP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
17	Viện ĐT chất lượng cao	8	7	1	0	9	9	0	PA1; PA2-Uưu tiên;	Bổ sung do ông Phạm Bá Công, Giáo vụ đã chấm dứt hợp đồng
	<b>Tổng khối Khoa/Viện</b>	<b>687</b>	585	97	5	<b>740</b>	730	10		
<b>III</b>	<b>Khối Trung tâm</b>									
1	Trung tâm GDTCHH	15	15	0	0	15	15	0		
2	Trung tâm ĐT&GTVL	0	0	0	0	0	0	0		2 viên chức kiêm nhiệm, Sáp nhập theo lộ trình
3	Trung tâm GDQP&AN	2	0	1	1	2	1	1		1 kiêm nhiệm, 12 SQ biệt phái
4	Trung tâm ĐT&TVKH CN BV Môi trường thủy	1	1	0	0	1	1	0		Số lượng NLV do Trung tâm ký HĐ là 10 người
5	Trung tâm TVPTCNXD Hàng hải	0	0	0	0	1	1	0		01 kiêm nhiệm, Số lượng NLV do Trung tâm ký HĐ là 9 người
6	Trung tâm Hợp tác & Đào tạo liên tục	8	8	0	0	8	8	0		



STT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 28/12/2021				Nhu cầu số lượng người làm việc năm 2022			Phương án bổ sung	Ghi chú
		Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:			
			Viên chức	Lao động hợp đồng đối với vị trí việc làm là viên chức	Lao động hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP và theo NĐ 161/2018/NĐ-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Lao động hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP và theo NĐ 161/2018/NĐ-CP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
7	Trung tâm Ngoại ngữ Hàng hải	3	2	1	0	5	5	0	PA1; PA2-Uưu tiên;	Tăng theo yêu cầu của NĐ120/2020/NĐ-CP, Trung tâm tự chi trả lương
8	Trung tâm HLTV	16	12	2	2	16	15	1		
9	Trung tâm CITAD	8	7	1	0	8	8	0		
10	Trung tâm Đào tạo & TV Luật HH	0	0	0	0	0	0	0		02 kiêm nhiệm, Số lượng NLV do Trung tâm ký HĐ là 1 người
11	Trung tâm NCUD Điện, Điện tử và TĐH	0	0	0	0	0	0	0		2 kiêm nhiệm, Trung tâm sẽ giải thể sau khi có chủ trương
12	Trung tâm Đào tạo Logistics tiểu vùng sông Mê Kong NB tại VN	2	1	1	0	2	2	0		1 kiêm nhiệm, Số lượng NLV do Trung tâm ký HĐ là 4 người, Trung tâm sẽ bổ sung người sau khi hoàn thành dự án
<b>Tổng khối Trung tâm</b>		<b>55</b>	46	6	3	<b>58</b>	56	2		

STT	Tên đơn vị	Số lượng người làm việc có mặt đến thời điểm 28/12/2021				Nhu cầu số lượng người làm việc năm 2022			Phương án bổ sung	Ghi chú
		Tổng số	Chia ra:			Tổng số	Chia ra:			
			Viên chức	Lao động hợp đồng đối với vị trí việc làm là viên chức	Lao động hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP và theo NĐ 161/2018/NĐ-CP		Số lượng người làm việc đối với vị trí việc làm là viên chức	Lao động hợp đồng theo NĐ 68/2000/NĐ-CP và theo NĐ 161/2018/NĐ-CP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
IV	Viên chức, NLĐ biệt phái tại các công ty	9	4	5	0	9	9	0		Có phương án xử lý theo nguyện vọng của viên chức và NLĐ

Ghi chú:

- Phương án 1: Tuyển dụng mới hoặc tiếp nhận viên chức từ ĐVSNCL khác về Trường.
- Phương án 2: Điều động công tác đối với cán bộ, viên chức giữa các đơn vị trong nội bộ Trường.
- Đối với khoa/viện khối đào tạo, trước khi tiến hành Phương án 1 và Phương án 2 thì chủ động rà soát nhu cầu người làm việc tại các bộ môn và điều động công tác đối với cán bộ, giảng viên giữa các bộ môn thừa sang bộ môn thiếu trong nội bộ khoa/viện.
- Số lượng người làm việc trên chưa kể số lượng thuyền viên Tàu HL VMU Việt Hàn và đối tượng nhân viên bảo vệ ký Hợp đồng lao động 11 tháng do Trường ký.

